TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/KDTM - ST
Ngày: 26 - 9 - 2022
V/v tranh chấp: Hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Nga.
2. Bà Nguyễn Thị Thùy Liễu.

-Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hải Long - Thư ký Tòa án nhân dân tp Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2021/TLST - KDTM ngày 21 tháng 10 năm 2021 về việc "Mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST - KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2022/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Công ty TNHH P; Trụ sở : .... phường Q, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Văn P- chức vụ : Chủ tịch Hội đồng thành viên và ông Nguyễn Duy Q- chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh H và bà Nguyễn Thị Tố H- Luật sư Công ty Luật Khánh Linh, thuộc đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Số ....., quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

2. *Bị đơn*: Công ty TNHH Tư Vấn và Xây dựng H; Trụ sở cũ: ..., phường H, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Trụ sở mới: ....., phường H, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thế H- chức vụ: Giám đốc.

(Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/6/2018, Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng H (Tên viết tắt Công ty H) và Công ty TNHH P (Tên viết tắt Công ty P) có ký Hợp đồng nguyên tắc số 180611/HĐNT/PT-HC V/v Mua - Bán bê tông thương phẩm và phụ lục hợp đồng số 180611/PLHĐ/PT-HC; Ngày 01/10/2018 ký Hợp đồng nguyên tắc số 181001/HĐNT/PT-HC V/v Cung cấp vật liệu xây dựng; ngày 26/10/2018 ký phụ lục hợp đồng số 181026/PLHĐ/PT-HC. Nội dung của Hợp đồng Công ty P bán bê tông thương phẩm cho Công ty H để phục vụ thi công công trình cải tạo nâng cấp đường tại tỉnh Hải Dương.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty P đã xuất cho Công ty H:

Ngày 30/6/2018 xuất 667m^3 cát vàng; 878 m^3 đá 2x4 và 230 tấn xi măng PCB40. Tổng thành tiền là 779.834.000 đồng.

Ngày 30/6/2018 xuất 415m^3 cát vàng; 548 m^3 đá 2x4 và 141 tấn xi măng PCB40. Tổng thành tiền là 482.900.000 đồng.

Ngày 31/10/2018 xuất 777m^3 cát vàng; 1050 m^3 đá 2x4 và 476 tấn xi măng PCB40. Tổng thành tiền là 1.129.380.000 đồng.

Ngày 31/01/2019 xuất 50m^3 cát vàng; 70 m^3 đá 2x4 và 34 tấn xi măng PCB40. Tổng thành tiền là 77.399.976 đồng.

Ngày 29/4/2019 xuất 71m^3 cát vàng; 94 m^3 đá 2x4 và 28 tấn xi măng PCB40. Tổng thành tiền là 84.059.957 đồng.

Tổng số tiền là 2.913,573.933 đồng (*bao gồm cả VAT).*

Công ty H đã thanh toán cho Công ty P số tiền 1.550.253.403 đồng còn phải thanh toán cho Công ty P số tiền 1.363.332.500 đồng. Ngày 29/3/2021 hai bên đã lập biên bản đối chiếu công nợ, Công ty H xác nhận còn phải thanh toán cho Công ty P số tiền trên và cam kết thanh toán trước ngày 30/3/2021. Tuy nhiên, đến thời hạn thanh toán Công ty H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty P .

Nay Công ty P yêu cầu Công ty H thanh toán các khoản sau:

Tiền nợ 1.363.332.500 đồng, tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 29/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/9/2022 là 1094 ngày: 1.363.332.500 đồng x 15,70% x 1094 ngày = 641.543.188 đồng. Tổng cộng là 2.004.875.688 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt bằng hình thức niêm yết thông báo thụ lý vụ án, đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo và yêu cầu của Công ty H có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty P. Tòa án cũng đã thông báo cho Công ty H đến để hòa giải, tuy nhiên Công ty H do ông Phạm Thế H là Giám đốc không đến Tòa án làm việc và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 08 tháng 9 năm 2022, ông Phạm Thế H đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Công ty H trả số tiền gốc và số lãi chậm trả; ông Phạm Thế H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty P là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Trong thời hạn giải quyết vụ án, các bên đương sự không tự thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án nhân dân huyện thành phố Hải Dương đưa vụ án ra xét xử. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của BLTTDS; đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của BLTTDS. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, HĐXX đã căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt là đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 50, 306 Luật Thương mại; các điều 357, 468 Bộ luật dân sự; các điều 11, 13 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH P tổng số tiền là 2.004.875.688 đồng; Trong đó số nợ gốc là 1.363.332.500 đồng và số tiền lãi chậm trả là 641.543.188 đồng; Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất chậm trả là 15,70%/năm; Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí của Công ty P; Công ty H phải chịu án phí KDTM theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Công ty P yêu cầu Công ty H trả tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả theo Hợp đồng nguyên tắc số 180611/HĐNT/PT-HC về việc Mua - Bán bê tông thương phẩm ngày 11/6/2018 và Hợp đồng nguyên tắc số 181001/HĐNT/PT-HC V/v Cung cấp vật liệu xây dựng ngày 01/10/2018. Do đó, đây là vụ án kinh doanh thương mại; tranh chấp giữa Công ty P và Công ty H là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, theo quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn có trụ sở tại phường H, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Bị đơn là Công ty Hùng Cường do ông Phạm Thế H - Giám đốc đại diện đã được Tòa án triệu tập

hợp lệ lần thứ hai tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh H và bà Nguyễn Thị Tố H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 BLTTDS Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét, Hợp đồng nguyên tắc số 180611/HĐNT/PT-HC ngày 11/6/2018 về việc mua bán bê tông thương phẩm và Hợp đồng nguyên tắc số 181001/HĐNT/PT-HC V/v Cung cấp vật liệu xây dựng ngày 01/10/2018 giữa Công ty P và Công ty H về việc mua bán bê tông thương phẩm và cung cấp vật liệu xây dựng là hoàn toàn tự nguyện, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự khi tham gia giao dịch, thỏa thuận giữa hai bên nên có giá trị bắt buộc thực hiện.

Quá trình thực hiện Hợp đồng Công ty P đã cung cấp cát vàng, đá, xi măng cho Công ty H như thỏa thuận trong Hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Ngày 29/3/2021 người đại diện của hai Công ty đã lập biên bản đối chiếu công nợ lần cuối cùng Công ty H còn nợ Công ty P "*... Hai bên cùng nhau tiến hành đối chiếu số dư công nợ hết ngày 29/03/2021 còn phải thanh toán cho Công ty chúng tôi với số tiền cụ thể là 1.363.332.500 đồng. Số tiền trên xin chuyển bằng séc hoặc chuyển khoản về địa chỉ trên (Công ty TNHH P) trước 30/03/2021).* Như vậy, đã có đủ căn cứ chứng minh Công ty H có nợ tiền mua bán bê tông thương phẩm và vật liệu xây dựng của Công ty P. Do đó, Công ty P khởi kiện yêu cầu Công ty H thanh toán tiền mua bê tông thương phẩm còn thiếu là 1.363.332.500 đồng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật thương mại.

[2.2] Về lãi chậm thanh toán: Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".*

Theo quy định tại Điều 11 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm "*Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...)* có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác; theo đó lãi suất chậm trả của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 15,75%/năm; lãi suất

chậm trả của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam là 15,60%/năm; Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam là 15,75%/năm; như vậy trung bình lãi suất quá hạn của 3 Ngân hàng là 15,70%/năm.

Thời điểm tính lãi chậm trả: Tại mục 5.2 Điều 5 Hợp đồng nguyên tắc số 180611/HĐNT/PT-HC ngày 11/6/2018: Bên A sẽ thanh toán cho bên B trong khoảng thời gian 3- 5 tháng sau khi bên B hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng của mình. Trong vụ án này, Công ty Phúc Tiến đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng cho Công ty Hùng Cường vào ngày 29/4/2019. Như vậy, theo thỏa thuận tại hợp đồng Công ty Hùng Cường phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Phúc Tiến chậm nhất sau 5 tháng (từ 29/4/2019 - 29/9/2019). Nên thời điểm phát sinh nghĩa vụ của Công ty Hùng Cường được tính từ ngày 29/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/9/2022 là 1094 ngày là 1.363.332.500 đồng x 15,70% /năm x 1094 ngày = 641.543.188 đồng.

Từ những những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P, về việc buộc Công ty H phải thanh toán tiền nợ mua bê tông thương phẩm là 1.363.332.500 đồng và lãi chậm thanh toán 641.543.188 đồng, tổng cộng là 2.004.875.688 đồng.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 70.920.386 đồng, hoàn trả lại số tiền tạm ứng cho Công ty P.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 50, 306 Luật Thương mại; các điều 357, 468 Bộ luật dân sự; các điều 11, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xử:

1. Buộc Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH P tổng số tiền là 2.004.875.688 đồng; Trong đó số nợ gốc là 1.363.332.500 đồng và số tiền lãi chậm trả là 641.543.188 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hải Dương, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hải Dương, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh tỉnh Hải Dương là 15,70%/năm.

3. Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng H phải chịu 70.920.386 đồng.

Trả lại cho tiền tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm cho Công ty TNHH P đã nộp là 24.172.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0001570 ngày 19/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự tp. Hải Dương, tỉnh Hải Dương (Công ty Phúc Tiến nộp biên lai cho Tòa án ngày 21/10/2021).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành bản án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tp Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tú